

Số: /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nhà máy gia công khung thép tiền chế tại Lô CB-2, Cụm công nghiệp Thạch Khôi - Gia Xuyên, phường Thạch Khôi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương của Công ty cổ phần T&C

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 237/STNMT-CCBVMT ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nhà máy gia công khung thép tiền chế tại Lô CB-2, Cụm công nghiệp Thạch Khôi - Gia Xuyên, phường Thạch Khôi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương của Công ty cổ phần T&C; Văn bản số 01/2024/CV-ĐTM ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Công ty cổ phần T&C về việc đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và hồ sơ gửi kèm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 121/TTr-TNMT ngày 06 tháng 02 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nhà máy gia công khung thép tiền chế (sau đây gọi là Dự án) của Công ty cổ phần T&C (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại Lô CB-2, Cụm công nghiệp Thạch Khôi - Gia Xuyên, phường Thạch Khôi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần T&C;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh (Ô Hải, Ô Hưng);
- UBND thành phố Hải Dương;
- UBND phường Thạch Khôi;
- Trung tâm CNTT - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (5b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lưu Văn Bản

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy gia công khung thép tiền chế tại Lô CB-2, Cụm công
ng nghiệp Thạch Khôi - Gia Xuyên, phường Thạch Khôi, thành phố Hải
Dương, tỉnh Hải Dương của Công ty cổ phần T&C

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 02 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)*

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Nhà máy gia công khung thép tiền chế
- Địa điểm thực hiện: Lô CB-2, cụm công nghiệp Thạch Khôi - Gia Xuyên, phường Thạch Khôi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Chủ dự án: Công ty cổ phần T&C.
- Địa chỉ liên hệ: Số nhà 50, phố Yết Kiêu, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án

- Diện tích thực hiện: 53.581m² thuộc Lô CB-2, cụm công nghiệp Thạch Khôi - Gia Xuyên, phường Thạch Khôi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
- Quy mô công suất: Gia công khung thép tiền chế quy mô 30.000 tấn/năm.

1.3. Công nghệ sản xuất

- Quy trình sản xuất khung kèo chính:

Nguyên liệu (thép tấm, thép hình) → Cắt, sản tự động → Hàn gá tổ hợp → Hàn tự động → Nắn chỉnh → Hàn bản mã, sườn gia cường → Khoan, đột lỗ → Làm sạch bề mặt (phun bi) → Lắp ráp khung kèo → Phun sơn → Kiểm tra → Nhập kho → Xuất xưởng.

- Quy trình sản xuất xà gồ:

Nguyên liệu (thép tấm) → Máy lóc xà gồ → Đột dập → Làm sạch bề mặt (phun bi) → Phun sơn → Kiểm tra → Nhập kho → Xuất xưởng.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.4.1. Các hạng mục công trình của Dự án

a) Hạng mục công trình

- Hạng mục công trình chính: Nhà văn phòng điều hành 3 tầng (750m²); nhà xưởng số 1 (5.200 m²); nhà xưởng số 2 (5.200 m²); nhà xưởng số 3 (7.420 m²); nhà xưởng số 4 (5.950 m²); Nhà xưởng số 5 (5.950 m²).

- Hạng mục công trình phụ trợ: Nhà bảo vệ (2 nhà) (16 m²); nhà để xe số 1 (192 m²); nhà để xe số 2 (392 m²); bể nước ngầm + trạm bơm PCCC (290

m²); bãi đỗ xe (1.676 m²); đường giao thông nội bộ (9.658,48 m²); bồn hoa, cây xanh (10.722,52 m²).

b) Hạng mục công trình bảo vệ môi trường

- Hệ thống xử lý nước thải công suất 25m³/ngày đêm (148 m²);
- Hệ thống xử lý khí thải khu vực hàn công suất 16.000 m³/h;
- Hệ thống xử lý khí thải khu vực sơn công suất 50.000 m³/h;
- Kho chứa chất thải rắn (bố trí trong nhà xưởng số 3) (75 m²); kho chứa chất thải nguy hại (bố trí trong xưởng số 3) (75 m²).

c) Thiết bị sản xuất chính của Dự án: 06 máy đột; 06 máy khoan; 30 máy hàn mig; 30 máy hàn tự động; 04 máy cắt song phẳng; 04 máy nâng cánh chữ H; 06 máy gá tự động; 02 máy phun bi sắt làm sạch; 04 máy công hàn tự động; 06 máy phun sơn; 06 hệ thống cầu trục và 01 bộ thiết bị văn phòng.

1.4.2. Các hoạt động của Dự án

- Hoạt động giải phóng mặt bằng (thu dọn sinh khối, nạo vét bùn, bóc lớp phủ bề mặt đối với diện tích đất lúa).
- Hoạt động san lấp mặt bằng, thi công xây dựng các hạng mục công trình và lắp đặt máy móc, thiết bị. Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải.
- Hoạt động vận hành Dự án gồm: Hoạt động của phương tiện giao thông ra vào dự án, hoạt động sản xuất và bảo dưỡng máy móc, thiết bị, nhà xưởng; hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại Dự án.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Căn cứ theo Khoản 4, Điều 25 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, yếu tố nhạy cảm về môi trường của Dự án là hoạt động chuyển đổi khoảng 46.934,55m² đất trồng lúa theo thẩm quyền quy định của pháp luật về đất đai.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Ảnh hưởng của việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng 46.934,55m² đất trồng lúa nước 02 vụ.
- Hoạt động bóc lớp đất phủ bề mặt, nạo vét bùn hữu cơ: Phát sinh chất thải rắn.
- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, chất thải: Phát sinh bụi, khí thải; tiếng ồn.
- Hoạt động san lấp mặt bằng: Phát sinh bụi; tiếng ồn.

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình, lắp đặt máy móc thiết bị: Phát sinh bụi, khí thải; nước thải; chất thải rắn xây dựng; tiếng ồn; chất thải nguy hại; sự cố cháy nổ; tai nạn lao động; ngập úng.

- Hoạt động của công nhân xây dựng: Phát sinh nước thải; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động sản xuất: Hoạt động gia công cơ khí như: cắt, sấn, đột dập, khoan,... phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại; hoạt động hàn, phun sơn phát sinh bụi, khí thải; tiếng ồn, độ rung; sự cố tai nạn lao động; sự cố cháy nổ, chập điện.

- Hoạt động vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm: Phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn.

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên: Phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, bùn thải từ bể phốt, hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân trong giai đoạn thi công xây dựng là 2,25 m³/ngày, giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị là 0,45 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: chất rắn lơ lửng (TSS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅/COD), các chất dinh dưỡng (NO₃⁻, PO₄³⁻) và vi sinh vật.

- Nước thải từ quá trình vệ sinh dụng cụ, thiết bị thi công: Khối lượng phát sinh 1,5 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, dầu mỡ.

- Nước thải từ quá trình rửa xe: Khối lượng phát sinh khoảng 2,3 m³/ngày trong giai đoạn thi công xây dựng. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, dầu mỡ.

- Nước mưa chảy tràn: Khối lượng phát sinh khoảng 36.006 m³/tháng. Thông số ô nhiễm đặc trưng là TSS.

b) Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân là 20,1 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Chất rắn lơ lửng (TSS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅/COD), các chất dinh dưỡng (NO₃⁻, PO₄³⁻) và vi sinh vật.

- Nước thải từ quá trình thay nước đập bụi của hệ thống xử lý khí thải khu vực sơn khoảng 2 m³/03 tháng. Thông số ô nhiễm đặc trưng là cặn sơn, TSS, COD.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Bụi, khí thải từ hoạt động thi công san nền; từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên, vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng; từ hoạt động của các máy móc thi công; từ hoạt động bốc dỡ nguyên, vật liệu; từ hoạt động thi công xây dựng công trình và lắp đặt máy móc thiết bị. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO, NO₂, SO₂.

b) Giai đoạn vận hành

- Hoạt động của phương tiện giao thông vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm ra vào Dự án phát sinh chủ yếu là bụi, khí thải với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO_x, SO₂, VOC_s.

- Hoạt động gia công cơ khí phát sinh chủ yếu là bụi kim loại.

- Hoạt động hàn kết cấu thép phát sinh khí thải hàn với các thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO_x, SO₂.

- Hoạt động phun sơn phát sinh bụi, khí thải với các thông số ô nhiễm đặc trưng là toluen, xylen, butyl acetat.

- Mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải, các thùng chứa rác. Thông số ô nhiễm đặc trưng: NH₃, H₂S.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải do phát quang thảm thực vật gồm cây bụi, cỏ: khoảng 10,3 tấn.

- Bùn đất hữu cơ từ quá trình nạo vét, bóc tách tầng hữu cơ bề mặt: khoảng 14.080 tấn.

- Chất thải rắn xây dựng: Khối lượng phát sinh khoảng 297 tấn. Thành phần gồm vỏ bao xi măng, cặn vữa, bê tông thừa, đầu mẩu sắt thép, dây thép, cốp pha hỏng, gạch, đá.

- Chất thải sinh hoạt phát sinh khoảng 15 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất hữu cơ dễ phân hủy, túi nilong, đồ hộp, thực phẩm thừa,...

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn phát sinh trong quá trình sản xuất: Khối lượng phát sinh khoảng 215.784 kg/năm bao gồm: Phế thải kim loại không dính thành phần nguy hại 200.000 kg/năm; bụi kim loại từ quá trình phun bi làm sạch bề mặt 6.084 kg/năm; các loại dây đai buộc nguyên liệu sắt thép 5.200 kg/năm; vỏ hộp, vỏ thùng đựng que hàn, thuốc hàn 840 kg/năm; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải 3.000 kg/năm; Cát, sỏi từ hệ thống lọc của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt 60 kg/năm; bùn thải từ quá trình nạo vét hệ thống thoát nước mưa, nước thải 600 kg/năm.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Khối lượng phát sinh khoảng 134 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là giấy vụn, thức ăn thừa, bao bì chứa lương thực, thực phẩm,...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH)

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình thi công xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị khoảng 287kg. Thành phần gồm: dầu mỡ thải 50kg; giẻ lau dính dầu mỡ 30kg; bóng đèn huỳnh quang 2kg; ốc quy hỏng 5kg; kim loại dính dầu mỡ 120kg; đầu mẫu que hàn 20kg; vỏ thùng sơn 45kg; cặn sơn thải 5kg; chổi quét sơn 10kg.

b) Giai đoạn vận hành

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất khoảng 260.016 kg/năm. Thành phần gồm: Bóng đèn huỳnh quang thải 6kg; dầu thủy lực tổng hợp thải 200kg; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải 150kg; vỏ hộp, thùng bằng kim loại chứa thành phần nguy hại thải (vỏ thùng đựng dầu mỡ) 1.200kg; vỏ hộp, thùng bằng nhựa chứa thành phần nguy hại (vỏ hộp sơn, dung môi) 13.500kg; bavaria, mẫu sắt thép vụn, mặt sắt dính dầu mỡ 220.000 kg; xỉ hàn, đầu mẫu que hàn, dây hàn 9.200kg; bụi sơn, cặn sơn 4.400kg; giẻ lau, găng tay dính thành phần nguy hại 360kg; than hoạt tính thải từ quá trình xử lý khí thải 3.000kg; nước thải từ hệ thống xử lý khí thải 8.000kg.

3.3. Tiếng ồn và độ rung

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy móc thiết bị tham gia thi công xây dựng, lắp đặt và các phương tiện vận chuyển máy móc, thiết bị.

b) Giai đoạn vận hành

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm; phương tiện giao thông ra vào Dự án và hoạt động của máy móc thiết bị sản xuất tại nhà xưởng sản xuất chính, các hoạt động cơ khí tại nhà xưởng sản xuất, hệ thống xử lý nước thải.

3.4. Các tác động khác

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ảnh hưởng đến hoạt động giao thông đường bộ; hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân xung quanh khu vực Dự án và có nguy cơ xảy ra sự cố cháy nổ, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, ngập úng,...

b) Giai đoạn vận hành

Hoạt động sản xuất của Dự án có thể xảy ra tai nạn lao động, tai nạn giao

thông, sự cố cháy nổ, sự cố các công trình xử lý nước thải.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: Sử dụng 05 nhà vệ sinh lưu động loại có từ 2-3 buồng với dung tích 2.000 lít/nhà. Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút chất thải tại bồn chứa chất thải mang đi xử lý theo đúng quy định.

- Nước mưa chảy tràn: Bố trí rãnh thu nước tạm xung quanh công trường thi công. Cuối hệ thống thu gom bố trí hố ga lắng cặn trước khi thoát ra ngoài môi trường.

- Nước thải thi công:

+ Nước thải rửa xe: Xây dựng 02 hố ga (kích thước $B \times L \times H = 2m \times 2m \times 1m$ và $2m \times 1m \times 1m$). Nước được thu gom, lắng cặn và vớt váng dầu tại hố ga lớn $4m^3$ sau đó bơm sang hố ga nhỏ. Hố ga nhỏ dung tích $2m^3$ để làm hố bơm, sử dụng bơm để bơm hút nước thoát ra hệ thống thoát nước thải thi công chung. Dầu mỡ thu được xử lý cùng với các chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình thi công.

+ Nước thải vệ sinh dụng cụ, thiết bị thi công: thu gom về hố ga có kích thước $1m \times 1m \times 1m$ để lắng đọng đất, cát trước khi thải xuống hệ thống phía Đông Nam Dự án.

b) Giai đoạn vận hành

- Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải từ các nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ bằng 06 bể tự hoại có tổng thể tích $60m^3$.

+ Nước thải từ nhà bếp được thu gom, xử lý sơ bộ bằng 01 bể tách mỡ có thể tích $2,7m^3$.

+ Nước thải sau xử lý sơ bộ được dẫn vào đường ống nhựa HPDE D400, tổng chiều dài 500m, độ dốc 0,2% về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất thiết kế $25m^3$ /ngày đêm để xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT mức A, giá trị C_{max} (với $K = 1,2$) trước khi thải ra môi trường tiếp nhận.

- Quy trình công nghệ xử lý của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất $25 m^3$ /ngày.đêm:

Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Lọc áp lực → Bể khử trùng → Mương thoát nước chung của cụm công nghiệp.

- Vị trí xả thải: 01 điểm xả thải vào mương thoát nước chung của cụm công nghiệp Thạch Khôi - Gia Xuyên phía Đông Nam Dự án.

- Phương thức xả thải: Tự chảy.

c) *Yêu cầu bảo vệ môi trường*: Đáp ứng QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A, giá trị C_{\max} với $K = 1,2$.

4.1.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

a) *Giai đoạn thi công, xây dựng*

- Vận chuyển đúng tải trọng xe, phủ bạt kín thùng xe, không chở quá tải trọng.

- Bố trí công nhân vệ sinh thu dọn đất, cát, chất thải,... rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển khi xảy ra sự cố.

- Lắp dựng hàng rào quây tôn cao từ 2-3m xung quanh khu vực thi công để cách ly và chống bụi.

- Không tập kết quá nhiều nguyên, vật liệu tại khu vực thi công khi chưa có nhu cầu sử dụng đến.

- Bố trí cầu rửa xe khu vực công ra vào công trường để rửa sạch gầm, bánh xe trước khi ra khỏi công trường.

- Phun nước tưới đường vận chuyển để chống bụi tần suất tối thiểu 2 lần/ngày.

b) *Giai đoạn vận hành*

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải khu vực hàn công suất 16.000 m³/h:

+ Quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút di động → Đường ống dẫn → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí.

+ Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, với hệ số $K_p = 0,9$; $K_v = 0,6$).

- Hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi công đoạn sơn công suất 50.000 m³/h:

+ Quy trình công nghệ: Bụi sơn, hơi dung môi → Chụp hút → Đường ống dẫn → Tháp hấp phụ bằng nước → Màng tách ẩm → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí.

+ Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, hệ số $K_p = 0,9$; $K_v = 0,6$) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

- Giảm thiểu bụi và khí thải do các phương tiện giao thông: Định kỳ quét dọn và phun ẩm quăng đường xe di chuyển trong khu vực Công ty nhằm làm giảm lượng bụi phát sinh với tần suất ít nhất 01 lần/ngày; bê tông hóa các tuyến đường chính; trồng cây xung quanh khu vực Dự án.

- Hoạt động phun bi làm sạch bề mặt thực hiện bằng máy phun bi chuyên con lăn. Buồng làm sạch được thiết kế khép kín, có hệ thống thu bụi đồng bộ.

- Thông thoáng nhà xưởng nhằm đảm bảo cho môi trường làm việc bằng biện pháp tự nhiên kết hợp với quạt thông gió, quạt công nghiệp.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Đáp ứng QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, hệ số $K_p = 0,9$; $K_v = 0,6$) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn do phát quang thảm thực vật: Khuyến khích các hộ dân thu hoạch lúa, hoa màu trước khi được cơ quan có thẩm quyền giao đất để tránh lãng phí cũng như giảm thiểu khối lượng sinh khối cần loại bỏ.

- Đất hữu cơ được tập kết tại công trường và tận dụng để trồng cây xanh trong khuôn viên Dự án.

- Chất thải xây dựng: Gạch vụn, vật liệu xây dựng rơi vãi thu gom dùng cho san lấp mặt bằng; vỏ bao xi măng, sắt thép thu gom bán cho cơ sở thu mua phế liệu; chất thải còn lại được tập kết tại công trường, phủ bạt che chắn và hợp đồng với đơn vị có chức năng để mang đi xử lý theo quy định.

- Chất thải sinh hoạt: Bố trí 03 thùng rác dung tích 50 lít/thùng, có nắp đậy để thu gom tạm chứa trong ngày, sau đó thuê đơn vị môi trường địa phương vận chuyển đến nơi tập kết của khu vực.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 10 thùng chứa loại 50-70 lít tại khu vực nhà ăn ca, khu văn phòng để thu gom rác thải sinh hoạt phát sinh. Hợp đồng với đơn vị thu gom rác thải của địa phương hàng ngày đến vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn sản xuất: Thu gom, phân loại chất thải rắn sản xuất ngay tại nguồn. Bố trí kho chứa chất thải thông thường có diện tích 75m² trong nhà xưởng số 3. Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Đối với bùn thải từ các hố ga, bể phốt, hệ thống xử lý nước thải: Thuê đơn vị có chức năng định kỳ tới nạo vét, vận chuyển và xử lý theo quy định.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Đáp ứng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Trang bị 09 thùng chứa dung tích 100 lít/thùng, có dán nhãn chất thải nguy hại theo quy định để thu gom chất thải.

- Mỗi loại CTNH được thu gom, lưu trữ, phân loại vào mỗi thùng chứa riêng, bên ngoài thùng dán nhãn CTNH theo đúng quy định đặt trong khu vực chứa chất thải tạm thời diện tích khoảng 5m² tại công trường. Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển chất thải mang đi xử lý.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải được phân loại tại nguồn, bố trí 10 thùng chứa dung tích 200 lít/thùng đặt tại kho chứa chất thải nguy hại diện tích 75m² (bố trí trong nhà xưởng sản xuất số 3). Kho chứa có cửa ra vào, biển cảnh báo theo quy định. Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Đối với nước thải từ hệ thống xử lý khí thải: Thuê đơn vị có chức năng định kỳ tới thu gom, nạo vét trực tiếp tại bể chứa và vận chuyển mang đi xử lý.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Đáp ứng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Tuân thủ các quy định về tổ chức thi công; bố trí thời gian thi công hợp lý, hạn chế thi công vào ban đêm. Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

- Định kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị và phương tiện thi công.

b) Giai đoạn vận hành

- Bố trí các máy móc có phát sinh tiếng ồn lớn xa khu dân cư gần nhất.

- Gia cố móng/bệ máy và lắp đặt các bệ chống rung cho các thiết bị rung, ồn lớn.

- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng động cơ các máy móc, phương tiện để phát hiện hỏng hóc và có phương án khắc phục kịp thời.

- Bảo trì định kỳ và bôi trơn các bộ phận của máy giúp giảm tiếng ồn và duy trì hiệu suất hoạt động của máy.

- Kiểm tra định kỳ mức độ ồn trong xưởng sản xuất nhằm đảm bảo môi trường làm việc cho người lao động.

- Bố trí lắp vật liệu cách âm tại xưởng số 3; 4; 5 để giảm tiếng ồn phát ra khu vực xung quanh.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng động cơ các phương tiện để phát hiện hỏng hóc và có phương án khắc phục kịp thời.

- Đối với những công nhân làm việc ở khu vực có tiếng ồn lớn sẽ được trang bị đầy đủ các thiết bị và dụng cụ chống ồn cá nhân (mũ, chụp bịt tai, găng tay, ủng, quần áo lao động).

- Trồng nhiều cây xanh quanh khuôn viên Dự án để giảm tiếng ồn phát ra khu vực xung quanh.

c) Yêu cầu bảo vệ môi trường

Đáp ứng QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các điều kiện an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Sự cố cháy nổ: Trang bị đầy đủ các phương tiện phòng cháy chữa cháy, lắp đặt các biển báo đề phòng cháy nổ tại khu vực công trường thi công; không để các nguyên vật liệu dễ gây cháy gần nguồn phát sinh nhiệt. Phối hợp với cơ quan chức năng để rà phá bom mìn trước khi thi công xây dựng Dự án.

- Sự cố an toàn lao động, an toàn giao thông: Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân thi công, lắp dựng hàng rào tôn chắc chắn cao 2-3m xung quanh công trường thi công; đối với công nhân thi công phải được huấn luyện về an toàn lao động, an toàn giao thông.

- Sự cố ngập úng: Xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước tạm thời xung quanh diện tích Dự án. Không tập kết quá nhiều nguyên, vật liệu chưa sử dụng tại công trường. Che chắn phủ kín bãi tập kết để tránh nguyên, vật liệu cuốn theo nước mưa. Thường xuyên nạo vét tuyến mương xung quanh.

b) Giai đoạn vận hành

- Sự cố hệ thống xử lý nước thải:

+ Biện pháp phòng ngừa: Bố trí cán bộ có trình độ chuyên môn trực tiếp vận hành, kiểm tra, giám sát hoạt động của các thiết bị xử lý nước thải. Đầu tư dây chuyền công nghệ tiên tiến, xử lý hiệu quả; máy móc thiết bị hiện đại. Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp. Hệ thống xử lý nước thải được vận hành liên tục. Bố trí các thiết bị dự phòng thay thế kịp thời khi hệ thống gặp sự cố.

+ Biện pháp ứng phó: Khi phát hiện sự cố của hệ thống xử lý nước thải, hệ thống van xả nước thải phải đóng lại và dừng việc xả nước thải ra ngoài môi

trường, nước thải sẽ được lưu chứa tạm thời tại các bể trong hệ thống để tiến hành khắc phục, sửa chữa. Sau khi sửa chữa, khắc phục xong, nước thải các bể được bơm lại bể gom để tiếp tục quy trình xử lý. Khi sự cố của hệ thống xử lý nước thải kéo dài không thể khắc phục thì chủ dự án phải thuê đơn vị có chức năng hút nước thải mang đi xử lý trong thời gian khắc phục.

- Sự cố hệ thống xử lý khí thải:

+ Biện pháp phòng ngừa: Bố trí cán bộ có trình độ chuyên môn trực tiếp vận hành, kiểm tra, giám sát hoạt động của các thiết bị xử lý khí thải. Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp. Bố trí các thiết bị dự phòng thay thế kịp thời khi hệ thống gặp sự cố.

+ Biện pháp ứng phó: Khi phát hiện sự cố của hệ thống xử lý khí thải, tạm dừng hoạt động các khu vực hàn, phun sơn. Nhanh chóng xác định nguyên nhân để tìm cách khắc phục, sửa chữa. Chỉ hoạt động sản xuất trở lại khi thiết bị hoạt động ổn định.

- Sự cố cháy nổ: Trang bị các trang thiết bị PCCC (trụ cứu hỏa, bể PCCC), bố trí các đèn chiếu sáng, tiêu lệnh PCCC, bình bột chữa cháy tại các khu vực thuận tiện, dễ nhìn. Tiến hành huấn luyện về PCCC cho cán bộ, công nhân.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- *Giám sát không khí xung quanh*

+ Vị trí quan trắc: Khu vực cổng ra vào của công trường; khu vực trung tâm công trường xây dựng.

+ Thông số quan trắc: Vi khí hậu, tiếng ồn, độ rung, bụi, CO, NO₂, SO₂.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 27:2010/BTNMT.

+ Tần suất: 06 tháng/lần trong giai đoạn thi công xây dựng.

- *Giám sát nước thải*

+ Vị trí quan trắc: Tại vị trí xả nước thải thi công vào mương thoát nước.

+ Thông số quan trắc: pH, TSS, COD, BOD₅, Amoni, tổng N, tổng P, tổng dầu mỡ khoáng, coliform, Fe, Mn.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, cột B.

+ Tần suất: 06 tháng/lần trong giai đoạn thi công xây dựng.

- *Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại*

+ Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

+ Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.2. Giai đoạn vận hành

- Giám sát nước thải: Dự án không thuộc đối tượng phải giám sát nước thải theo quy định tại khoản 1, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Giám sát khí thải:

Chương trình quan trắc khí thải định kỳ của Dự án như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, Kp=0,9; Kv=0,6)	QCVN 20:2009/BTNMT	
I. Khí thải sau hệ thống xử lý bụi, khí thải công đoạn hàn					
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	-	03 tháng/lần
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	108	-	
3	CO	mg/Nm ³	540	-	
4	SO ₂	mg/Nm ³	270	-	
5	NO _x	mg/Nm ³	459	-	
II. Khí thải sau hệ thống xử lý bụi, khí thải công đoạn phun sơn					
1	Lưu lượng	-	-	-	03 tháng/lần
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	108	-	
3	Toluen	mg/Nm ³	-	750	06 tháng/lần
4	Xylen	mg/Nm ³	-	870	
5	Butyl acetat	mg/Nm ³	-	950	

- Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

+ Tổ chức hoạt động giám sát chất rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

+ Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh.

+ Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày

10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường sau:

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường.

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành; chủ động, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống lâu dài cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi Dự án; chỉ được phép triển khai thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, giao đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa tại các khu vực triển khai thi công theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện đầy đủ các nội dung của chương trình quản lý, giám sát và quan trắc môi trường theo nội dung của Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Lập kế hoạch và đảm bảo các phương án cần thiết để phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do hoạt động của Dự án gây ô nhiễm, sự cố môi trường.

- Tuân thủ các yêu cầu về tiêu thoát nước, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy, nổ, an toàn hóa chất trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra, thanh tra, giám sát việc tuân thủ chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với hoạt động của Dự án./.